

Bản án số: 94/2020/HS-ST  
Ngày 19-5-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Mai Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lưu Văn Có

bà Lê Thị Ngọc Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Ngọc L** (tên gọi khác: R) - sinh năm 1989 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 87/13 đường C - phường V - tp. N - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị L (1956); Tiền sự: không; Tiền án: + Bản án số 157/2010/HSPT ngày 14/9/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2011. Chưa chấp hành phần án phí; + Bản án số 119/2015/HSST ngày 04/6/2015 của Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2016; Nhân thân: + Bản án số 280/2008/HSST ngày 21/11/2008, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/8/2009; + Bản án số 190/2019/HSST ngày 20/8/2019, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; + Bản án số 264/2019/HSST ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; Bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2019; Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Hoàng K** (tên gọi khác: K) - sinh năm 1976 tại Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 60<sup>B</sup> đường T - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Chỗ ở:

391 đường Đ - phường N - tp. N - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn K (1946) và bà Lê Thị Hải Y (1953); Có một con sinh năm 2007; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 966/1999/ HSPT ngày 06/12/1999 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt tù chung thân về tội “Cướp tài sản công dân”, “Cướp tài sản xã hội chủ nghĩa”, “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2015; Nhân thân: Bản án số 108/1995/HSPT ngày 25/3/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/1998; + Bản án số 290/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tp. N tuyên phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Đang bị tạm giam trong vụ án khác; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phan Phú Y - sinh năm 1991

Trú tại: thôn U - xã H - huyện Đ - Phú Yên; Vắng mặt.

Huỳnh Tấn H - sinh năm 1983

Trú tại: số 63 đường số 3 - phường P - tp. N - Khánh Hòa; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Văn Đ - sinh năm 1971

Trú tại: tổ 4 thị trấn M - huyện M - Yên Bái; Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Phan Tấn S - sinh năm 1996; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Ngọc L là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định, đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền sinh hoạt cá nhân. Nguyễn Ngọc L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 19/3/2019, Nguyễn Ngọc L cùng đối tượng C (không rõ nhân thân, lai lịch) đến khách sạn F (42 đường Đ - phường V - tp. N), thấy bảo vệ đang ngủ, C đi vào trong phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 78G-314.96 của anh Phan Phú Y đang dựng trong sân, C dùng dụng cụ phá khóa để phá khóa xe rồi dắt xe ra ngoài. Sau đó, L và C đem xe đến nhà Nguyễn Hoàng K bán được 10.000.000đ, cả hai chia nhau mỗi người 5.000.000đ và sử dụng hết. Đến 12 giờ cùng ngày, L và C đến nhà K nói việc trộm cắp đã bị ghi hình lại nên xin chuộc xe, K đồng ý trả lại xe và nhận lại 10.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 26/3/2019, Nguyễn Ngọc L đi bộ đến khu vực bãi biển đối diện khách sạn M (tổ 25 - phường V - tp. N) để trộm cắp tài sản. L thấy xe máy hiệu Honda Airblade, màu cam đen, biển kiểm soát 79N1-553.54 của anh Huỳnh Tấn H đang dựng trên bãi biển, không có người trông giữ. L đến gần, dùng dụng cụ phá khóa để mở khóa cổ xe rồi điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, L đi đến bán cho Nguyễn Hoàng K với giá 6.000.000đ. Đến 18 giờ 00 phút cùng

ngày. Công an tp. N kiểm tra hành chính và thu giữ chiếc xe máy Honda Airblade biển kiểm soát 17N1-553.54 tại nhà K ở 391 đường Đ - phường N - tp. N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 151/HĐĐG ngày 01/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố N xác định: xe máy hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 79N1-553.54 có giá trị 21.660.000đ; xe máy hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 78G-314.96 có giá trị 33.033.000đ.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKSNT ngày 20/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh K Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 21G1-056.05, 01 chai xịt hơi cay hiệu American Style Nato màu nâu, 01 đèn pin màu đen hiệu Heavy Duty, 01 tay cầm màu trắng, 01 đoạn phá khóa từ tự chế, 01 đoạn tự chế bằng sắt dài 5cm, 02 đoạn tự chế bằng sắt dài 7cm, 01 dao mác bằng sắt dài 10cm, 01 chứng minh nhân dân Đặng Văn Đức, 01 chứng minh nhân dân Vũ Đình Tài. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng và 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc L cho bị cáo L. Án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị hại Phan Phú Y, Huỳnh Tấn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn Đ, người làm chứng Phan Tấn S đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định vào các ngày 19 và 26/3/2019, lợi dụng sự sơ hở của anh Phan Phú Y và anh Huỳnh Tấn H, bị cáo L đã lén lút lấy của các bị hại một xe máy Honda hiệu Winner, biển kiểm soát 78G-314.96 và một xe máy Honda hiệu Airblade, màu cam đen, biển kiểm soát 79N1-553.54. Hai chiếc xe này có tổng giá trị là 54.693.000đ. Bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích cũng về tội chiếm đoạt tài sản. Vì vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*” và “*Tái phạm nguy hiểm*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo L với tội danh “Trộm cắp tài sản” được quy định tại các điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo K biết rõ những tài sản mà L đem đến bán cho mình là tài sản trộm cắp được nhưng K vẫn đồng ý mua nhằm mục đích bán kiếm lời. Do đó mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo K về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn chính xác.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người có nhân thân xấu: Bị cáo L có hai tiền án, chưa được xóa án tích, bị cáo còn có hai bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành. Bị cáo K có một tiền án, một bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành nhưng các bị cáo không lấy đây là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại hai lần phạm tội (ngày 19/3 và 26/3/2019). Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, riêng bị cáo K có bà nội được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì. Hồ sơ thể hiện bị hại yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó không xem xét phân trách nhiệm dân sự giữa các bị hại với các bị cáo.

[7] Đối với số tiền 6.000.000đ mà bị cáo L bán xe máy hiệu Honda Airblade, màu cam đen, biển kiểm soát 79N1-553.54 của anh Huỳnh Tấn H cho bị cáo K là khoản tiền thu lợi bất chính từ phạm tội của bị cáo L, bị cáo K không yêu cầu bị cáo L phải trả lại số tiền này nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng: 01 biển kiểm soát 21G1-056.05 mang tên ông Bùi Văn Đ, ông Đ cho biết hiện nay chiếc xe mang biển số này ông đã bán cho một người không rõ nhân thân, lai lịch và ông không có yêu cầu gì đối với biển số xe này nên



cần tịch thu, tiêu hủy. 01 chai xịt hơi cay hiệu American Style Nato màu nâu, 01 đèn pin màu đen hiệu Heavy Duty, 01 tay cầm màu trắng, 01 đoạn phá khóa từ tự chế, 01 đoạn tự chế bằng sắt dài 5cm, 02 đoạn tự chế bằng sắt dài 7cm, 01 dao móc bằng sắt dài 10cm là dụng cụ dùng vào việc phạm tội và vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy. 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng và chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc L là tài sản riêng của bị cáo L nên trả lại cho L. Đối với 01 chứng minh nhân dân tên Đặng Văn Đ, 01 chứng minh nhân dân tên Vũ Đình T, cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ đối với chủ sở hữu của 02 chứng minh nhân dân này nên cần trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Phan Tấn S: Quá trình điều tra, bị cáo K và S đều xác định S không được hưởng lợi gì từ việc xem xe dùm cho K. Tại phiên tòa, bị cáo K cũng một lần nữa xác định việc này nên cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Tấn S.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L (R).

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Ngọc L (R) 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. **Tổng hợp với 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án số 190/2019/HSST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tp. N và 03 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án số 264/2019/HSST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tp. N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2019.**

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hoàng K (K Kê).

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Hoàng K (K Kê) 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không xét phần trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K với bị hại Phan Phú Y, Huỳnh Tấn H.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L.

Về vật chứng: khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) biển kiểm soát 21G1-056.05, 01 (một) chai xịt hơi cay hiệu American Style Nato màu nâu, 01 (một) đèn pin màu đen hiệu Heavy Duty, 01 (một) tay cầm màu trắng, 01 (một) đoạn phá khóa từ tự chế, 01 (một) đoạn tự chế bằng sắt dài 5cm, 02 (hai) đoạn tự chế bằng sắt dài 7cm, 01 (một) dao móc bằng sắt dài 10cm.

Trả lại cho Nguyễn Ngọc L 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng và 01 (một) chứng minh nhân dân tên Nguyễn Ngọc L.

Trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N 01 chứng minh nhân dân tên Đặng Văn Đức, 01 chứng minh nhân dân tên Vũ Đình Tài để xác minh làm rõ và xem xét xử lý theo quy định.

*(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).*

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng K, mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tp. N;
- Công an tp. N;
- Chi cục thi hành án dân sự tp. N;
- Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

**Võ Thị Mai Phương**